



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH TZ HITEC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700835607 do phòng Đăng ký kinh doanh sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 9 năm 2020

Địa chỉ: Lô CN-11, đường D6 và N5, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



351331820006518

CX 552156

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

- a) Thửa đất số: 14, tờ bản đồ số: PL21
 b) Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 c) Diện tích: 15039 m² (bằng chữ: Mười lăm nghìn không trăm ba mươi chín mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 15039 m²,
 chung: không
 đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 18 tháng 7 năm 2056
 g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành viên VPID Hà Nam

2. Nhà ở:

-/-

3. Công trình xây dựng khác: Nhà máy sản xuất TZ HITEC

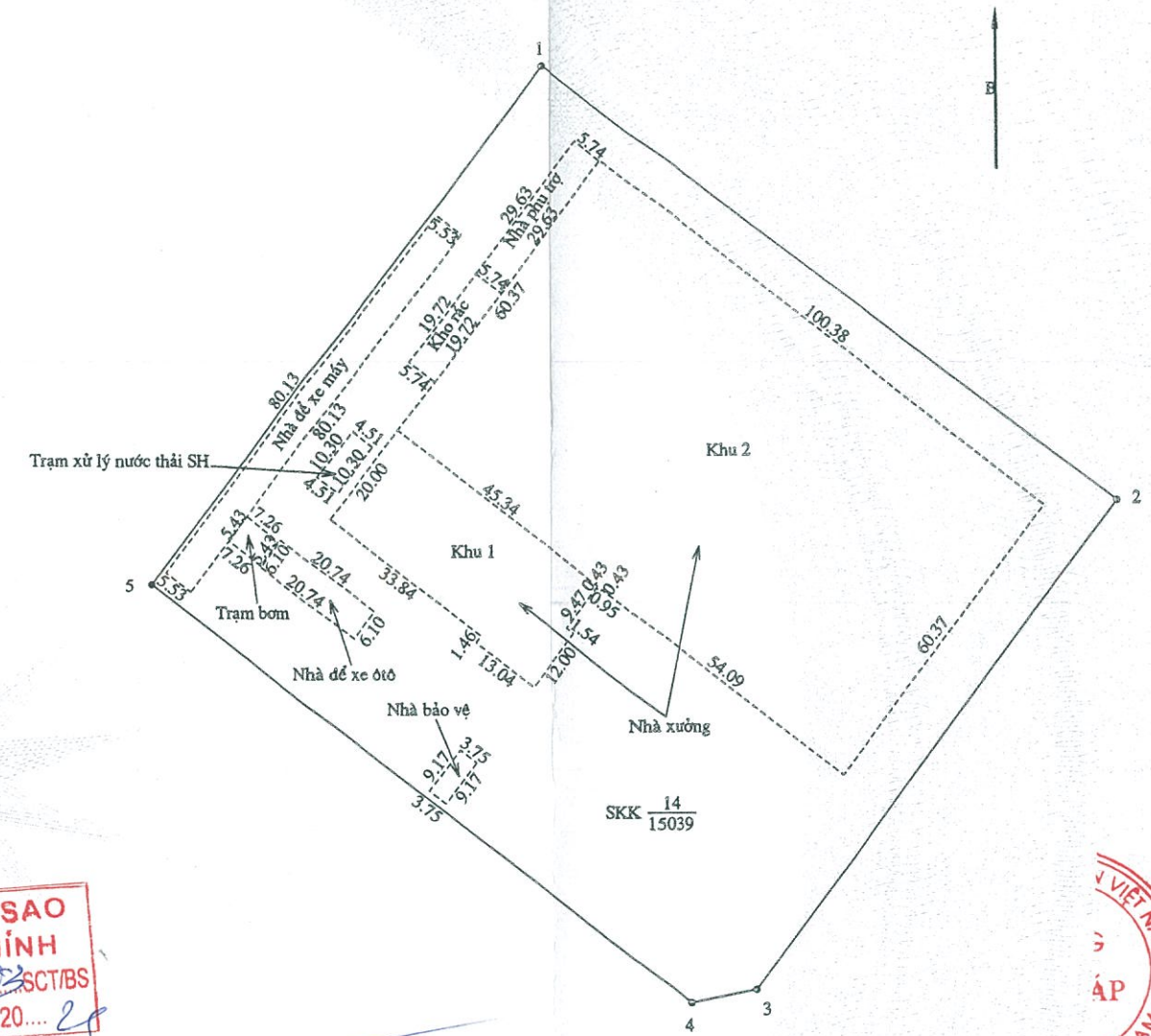
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà để xe máy	443	443	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Kho rác	113	113	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Nhà phụ trợ	170	170	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Trạm bơm	39	39	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Nhà để xe ô tô	127	127	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Nhà bảo vệ	34	34	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Trạm xử lý nước thải SH	46	46	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056
Nhà xưởng	7003	7945	Sở hữu riêng	-/-	18/7/2056

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 2192 Quyền số: 02/SCT/BS
 Ngày: 16 tháng 8 năm 2020

Hà Nam, ngày 02 tháng 11 năm 2020
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM
GIÁM ĐỐC

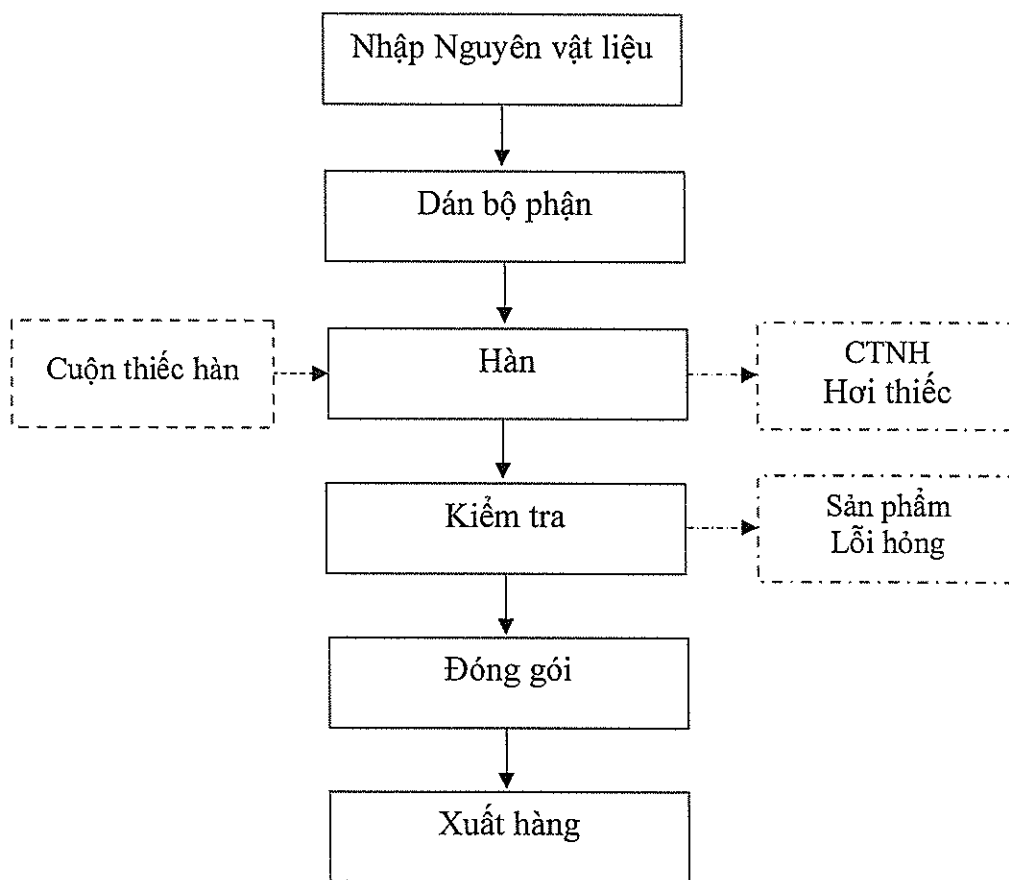
CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HÀ NAM
 Nguyễn Văn Hào

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
 TP. PHỦ LÝ - T. HÀ NAM

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN HỒNG ĐẠT

Số hiệu thửa	Hệ tọa độ VN 2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	2282496.87	591654.82	250.00
2	2282721.88	591763.76	
3	2282643.69	591925.32	
4	2282547.63	592123.80	
5	2282322.60	592014.90	
1	2282496.87	591654.82	400.03

Sơ đồ quy trình sản xuất mô - dul đèn led



1.5. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng diện tích đất thực hiện dự án là 15.039 m², quy mô của các công trình phục vụ cho sản xuất của dự án như sau:

TT	Các hạng mục		Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tỷ lệ chiếm đất (%)
Các hạng mục chính					
1	Nhà xưởng	Tầng 1 nhà xưởng sản xuất	6.926,84	02	46,06
		Tầng 2: Nhà văn phòng, nhà bếp	926,85		-
Các hạng mục phụ trợ					
	Nhà để xe máy		473,49	1	3,15
	Bể nước PCCC		30	1	0,20
3	Nhà phụ trợ		65,8	1	0,44
4	Nhà bảo vệ		22	1	0,15
5	Nhà để ô tô		104	1	0,69
6	Cổng chính		18	-	0,12
7	Cây xanh		3.085	-	20,51
8	Sân bãi, đường nội bộ		4.123,87	-	27,42

Các hạng mục bảo vệ môi trường				
1	Bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 30 m ³ (gồm 5 bể mỗi bể 6 m ³): + 02 bể tại khu vực nhà xưởng + 01 bể tại khu vực văn phòng + 01 bể tại khu vực nhà bếp + 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ	-	-	-
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30 m ³ /ngày.đêm	50	-	0,33
3	Hệ thống xử lý khí thải công suất quạt hút 3.000 m ³ /giờ	-	-	0,13
4	Kho rác + Kho chất thải rắn sinh hoạt 20 m ² . + Kho chất thải công nghiệp thông thường 20m ² + Kho chất thải nguy hại 10m ² .	120	1	0,81
5	Hệ thống thoát nước mưa (xây dựng trên vỉa hè và trên tuyến đường nội bộ)	-	-	-
6	Hệ thống thoát nước thải (xây dựng trên vỉa hè và trên tuyến đường nội bộ)	-	-	-
Tổng		15.039	-	100

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Đối với môi trường không khí: khí thải hơi thiếc phát sinh từ các công đoạn hàn; Khí thải từ công đoạn in kem hàn;
- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt
- Đối với chất thải: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trong quá vận hành dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

Nước thải sinh hoạt khoảng 24,4 m³/ngày.đêm

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Khí thải hàn từ công đoạn hàn thiếc và in kem hàn

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

Rác thải sinh hoạt: một ngày với số lượng khoảng 305 người thì rác thải gồm bao nylon, giấy vụn có, vỏ lon,... bình quân mỗi tháng khoảng 152,5 kg/ngày.

Rác thải công nghiệp thông thường: gồm nilong, carton, vụn gỗ, kim loại, nhựa,... phát sinh từ hoạt động sản xuất, lắp ráp, đóng gói sản phẩm với khối lượng khoảng 8 kg/ngày.

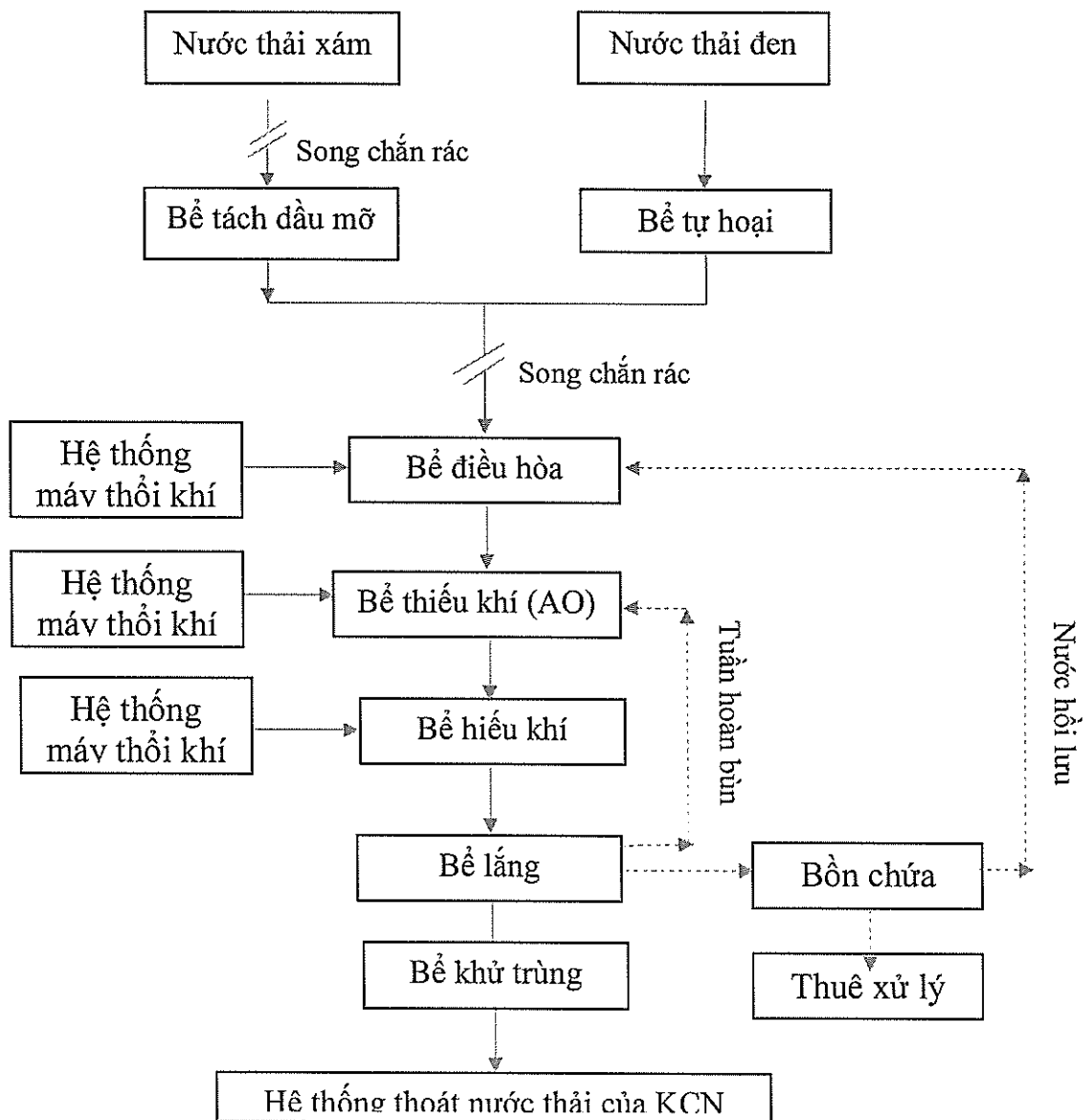
2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy gồm mỡ, dầu thải dùng cho máy móc thiết bị sản xuất, găng tay giặt lau dính dầu, bao bì dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, phế phẩm kim loại từ quá trình gia công dính dầu mỗi tháng thải ra khoảng 624 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

➤ Sơ đồ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm, như sau:



Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý triệt để toàn bộ khối lượng nước thải phát sinh trong nội bộ nhà máy, tuân thủ các bước trong quy trình xử lý nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra của Công ty đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Châu Sơn qua 01 điểm đầu nối.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ quá trình hàn thiếc và quá trình in kem hàn, được bố trí hệ thống đường ống thu gom, và xử lý tại tháp hấp phụ bằng than hoạt tính, trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom và vận hành thường xuyên liên tục, có hiệu quả hệ thống xử lý khí thải, định kỳ thay thế vật liệu hấp phụ than hoạt tính 6 tháng/lần, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép của QCVN19:2009/BTNMT – Cột B, hệ số $K_p=0$, $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bố trí các thiết bị lưu chứa, phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, tập kết tại nhà kho lưu giữ chất thải có diện tích 40 m². Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định, với tần suất 1 lần/tuần.

Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom, vận chuyển xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí thiết bị lưu chứa, phân loại chất thải, có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH kí hiệu và tên từng loại CTNH theo TT 36:2015/TT-BTNMT ;
- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 10 m² đảm bảo theo đúng hướng dẫn quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015;
- Hợp đồng với đơn vị chức năng, vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải nguy hại với tần suất không quá 6 tháng/lần.
- Định kỳ 1 năm/lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thực hiện công tác quản lý chất thải nguy hại theo đúng các quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc “Quy định về quản lý chất thải nguy hại”, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

Bố trí các thiết bị lưu chứa, phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, bố trí khu vực tập kết rác thải sinh hoạt diện tích 20 m² đảm bảo hợp vệ sinh, đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất 2 ngày/lần;

Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị. Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng của máy, kiểm tra độ mòn chi tiết và tra dầu bôi trơn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các Quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, nước thải. Dừng hoạt động sản xuất công đoạn tương ứng khi hệ thống xử lý chất thải hỏng không vận hành.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống lưu chứa chất thải rắn: Xây dựng theo đúng thiết kế, bố trí các biển cảnh báo, các thiết bị lưu chứa chất thải theo đúng quy định; đảm bảo khoảng cách phù hợp đối với các loại chất thải có khả năng tương tác với nhau gây cháy nổ hoặc sự cố khác; bố trí các thiết bị ứng phó sự cố chảy tràn chất thải lỏng nguy hại...

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống cấp nước: thường xuyên kiểm tra, theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống cấp nước đảm bảo độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy chữa cháy: Xây dựng bể chứa nước PCCC, lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, bố trí phương tiện, thiết bị PCCC phù hợp với tính chất đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về PCCC khác.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- + Hệ thống chụp hút và xử lý khí thải.
- + 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày đêm.
- + 01 kho chứa CTNH diện tích 10 m²;
- + 01 kho chứa rác sinh hoạt diện tích 20 m²;
- + 01 kho chứa rác công nghiệp diện tích 20 m²;
- + 01 hệ thống thoát nước mưa và 01 hệ thống thoát nước thải

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của dự án như sau:

TT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn áp dụng/GHCP	Tần suất
A	Nước thải			
1	01 vị trí: Nước thải tại vị trí xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Châu Sơn	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng Coliform, tổng dầu mỡ khoáng.	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	03 tháng/lần
B	Không khí			
1	01 điểm tại công đoạn in kem hàn	Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ , Cu, Sn	QCVN 02:2019/BYT, 03:2019/BYT	03 tháng/lần
2	01 điểm tại công đoạn hàn			
C	Khí thải			
1	01 điểm khí thải sau hệ thống xử lý	Lưu lượng, CO, SO ₂ , NO ₂ , Cu	- QCVN 19:2009/BTNMT	03 tháng/lần
D	Chất thải rắn			
1	Tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường:	Số lượng (kg/tháng), chủng loại và thành phần chất thải rắn phát sinh, số lượng CTR được thu gom, phân loại và tỷ lệ tái chế (%), có bao nhiêu chất thải có thể được tái chế, tái sử dụng hàng tháng).	Nghị định 38/2015/NĐ-CP Thông tư 36/2015/BTNMT Nghị định 40/2019/NĐ-CP	Hàng ngày
2	Tại kho chứa chất thải nguy hại	Thành phần, lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải, Mã CTNH, khối lượng CTNH.		Hàng ngày

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có Văn bản chấp thuận của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm;

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất;
- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, an toàn vệ thực phẩm, vệ sinh môi trường./.

UBND TỈNH HÀ NAM
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 995/BQLCKCN - MT
V/v thông báo kết quả kiểm tra các
công trình xử lý chất thải để vận
hành thử nghiệm

Hà Nam, ngày 17 tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH TZ Hitec

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Nhà máy sản xuất TZ Hitec” của Công ty TNHH TZ Hitec đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 61/QĐ-BQLCKCN ngày 16 tháng 4 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-BQLCKCN ngày 31/8/2021 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam về việc cử Cán bộ kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm và giám sát quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải “Nhà máy sản xuất TZ Hitec” của Công ty TNHH TZ Hitec, tại KCN Châu Sơn, TP. Phủ lý, tỉnh Hà Nam;

Căn cứ nội dung Biên bản làm việc ngày 6/9/2021 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 118/QĐ-BQLCKCN ngày 31/8/2021 với Công ty TNHH TZ Hitec, Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam thông báo kết quả như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

Các công trình xử lý nước thải bao gồm:

- Số lượng bể tự hoại: 05 bể tổng thể tích $21m^3$
- Số lượng bể tách dầu mỡ: 01 bể thể tích $V = 2,2 m^3$
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất: $20 m^3/ngày.đêm$.

Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: *Nước thải* → *Bể điều hòa* → *Bể thiếu khí* → *Bể hiếu khí* → *Bể lắng sinh học* → *Bể khử trùng* → *Nước thải sau xử lý* → *Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn*.

- Các thông số kỹ thuật bao gồm: bể điều hòa $12,3 m^3$, bể thiếu khí $41,7 m^3$, bể hiếu khí $10,54 m^3$, bể lắng $3,8 m^3$, bể khử trùng bằng nhựa PVC (kích thước $h \times r = 1,2m \times 1m$), máy thổi khí, máy bơm bùn, máy bơm nước đầu vào, đầu ra, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy chìm, phao báo mực nước,...

- Chất lượng nước thải đầu ra đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.
- Số điểm đầu nối nước thải: 01 điểm.

- Công ty đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số: 01/07/21/XLNT/HVPID-TZ HITEC với Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đã xuất trình các hồ sơ, tài liệu, các bản vẽ hoàn công, kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Đối với công trình xử lý khí thải:

Công ty đầu tư xây dựng lắp đặt 01 HTXL khí thải tại công đoạn hàn thiếc và quá trình in kem hàn, với sơ đồ quy trình công nghệ xử lý như sau:

Khí thải → *Chụp hút* → *Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính* → *Khí sạch ra môi trường.*

Các thông số kỹ thuật bao gồm:

Các thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải bao gồm: Quạt hút 01 chiếc; Lưu lượng: 13.000 m³/h; Công suất: 5.5 Kw; Đường kính quạt hút: 60cm; Vật liệu: Thép SS400; Có 02 ống thoát khí vật liệu thép CT3 cùng chiều cao (thay phiên nhau hoạt động).

- Chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đã xuất trình các hồ sơ, tài liệu kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

Các công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại bao gồm:

- Thiết bị lưu trữ chất thải sinh hoạt: 02 thùng chứa dung tích lần lượt là 660L và 260L có nắp đậy;

- Kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường diện tích: 58 m²;

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích: 12 m².

Tại thời điểm kiểm tra, các công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đã đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo Phụ lục II, Phụ lục III, Mục III, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Phụ lục 2, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT; Đồng thời Công ty đã xuất trình được các hồ sơ, tài liệu, các bản vẽ hoàn công liên quan tới các công trình, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

4. Đối với công trình quản lý chất thải khác:

- Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn độc lập với hệ thống thoát nước thải.

Các công trình quản lý chất thải khác đã có hồ sơ hoàn công được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng, như sau:

- Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xử lý nước thải;

- Đầu tư hệ thống điều hòa, thông thoáng nhà xưởng sản xuất;

- Công ty đã bố trí diện tích trồng cây xanh đảm bảo quy hoạch được phê duyệt.

4. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Đầu tư xây dựng 01 bể chứa nước PCCC, lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, bố trí phương tiện, thiết bị PCCC phù hợp với tính chất đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về PCCC khác.

Căn cứ kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm Dự án như đã nêu trên, cho thấy Công ty TNHH TZ Hitec đã đủ điều kiện đưa dự án vào vận hành thử nghiệm. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam thông báo để Công ty TNHH TZ Hitec biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường. / *nguy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban (*để b/c*);
- Lưu: VT, MT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



nguy

Phạm Bá Tùng



Số: 198/BQLKCN - MT
V/v thông báo kết quả vận hành thử
nghiệm các công trình xử lý chất thải

Hà Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH TZ Hitec

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường “Nhà máy sản xuất TZ Hitec” của Công ty TNHH TZ Hitec đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 61/QĐ-BQLKCN ngày 16 tháng 4 năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 995/BQLKCN-MT ngày 17/9/2021 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải dự án “Nhà máy sản xuất TZ Hitec” của Công ty TNHH TZ Hitec;

Căn cứ nội dung hồ sơ Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải dự án “Nhà máy sản xuất TZ Hitec” của Công ty TNHH TZ Hitec;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường đối với Dự án “Nhà máy sản xuất TZ Hitec” của Công ty TNHH TZ Hitec của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 118/QĐ-BQLKCN.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

Các công trình xử lý nước thải bao gồm:

- Số lượng bể tự hoại: 05 bể tổng thể tích 21m³
- Số lượng bể tách dầu mỡ: 01 bể thể tích V = 2,2 m³
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất: 20 m³/ngày.đêm.

Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn.

- Các thông số kỹ thuật bao gồm: bể điều hòa 12,3 m³, bể thiếu khí 41,7 m³, bể hiếu khí 10,54 m³, bể lắng 3,8 m³, bể khử trùng bằng nhựa PVC (kích thước hxr = 1,2mx1m), máy thổi khí, máy bơm bùn, máy bơm nước đầu vào, đầu ra, bơm định lượng hóa chất, máy khuấy chìm, phao báo mực nước,...

- Chất lượng nước thải đầu ra đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

- Số điểm đầu nối nước thải: 01 điểm.

- Công ty đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số: 01/07/21/XLNT/HVPID-TZ HITEC với Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đã xuất trình các hồ sơ, tài liệu, các bản vẽ hoàn công, kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.



trình vận hành thử nghiệm. Tuy nhiên, Công ty chưa có Giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020. Vậy, Ban quản lý các KCN yêu cầu Công ty khẩn trương hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường trước khi kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam thông báo để Công ty TNHH TZ Hitec biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường. / *ngt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban (*để b/c*);
- Lưu: VT, MT. *jr*

KT. TRƯỞNG BAN

ĐHQ. TRƯỞNG BAN



Phạm Bá Tùng
Phạm Bá Tùng



Số: 314 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và công văn đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 09032020/CV ngày 09/3/2020 của Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina.

Người đại diện là ông Kim Hongil

Chức danh: Tổng Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN

Dự án/công trình: Nhà máy sản xuất Sonneteck Tj Vina.

Địa điểm xây dựng: KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina.

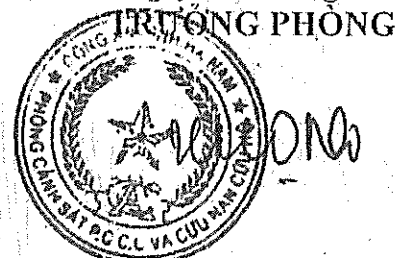
Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Plus One, Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Minh Hiếu Đạt.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau: Mặt bằng tổng thể và khoảng cách an toàn PCCC; bậc chịu lửa; lối và các điều kiện thoát nạn; giao thông phục vụ chữa cháy; hệ thống điện cho PCCC; hệ thống chống sét; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà; hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; bình chữa cháy xách tay cho công trình theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.1/2

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina;
- Cục C07 - BCA;
- Lưu PC07(D1).

Hà Nam, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Đại tá Nguyễn Văn Cường

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Hồ sơ thiết kế thi công	WS-20 đến WS-39; M-01, C-R-01 đến C-R-04; W-FL-01, W-FL-02, W-DW-04; M3-FF-04; W-SE-02; M3-FF-08, M3-FF-09, M3-FF-01; W-SC-03 và W-SC-02, W-EL-01; E1-011.1 đến E1-011.3	
02	Hồ sơ thiết kế thi công hạng mục PCCC	EX-01 đến EX-02, BC-00 đến BC-07, M3-FF-01 đến M3-FF-10	
03	Thuyết minh thiết kế hệ thống PCCC		

CÔNG AN TỈNH HÀ NAM
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 811/TD-PCCC

Hà Nam, ngày 25 tháng 6 năm 2020

V/v Thẩm duyệt về PCCC đối với hạng mục:
Điều chỉnh thiết kế PCCC đối với công trình
Nhà máy Sonneteck Tj Vina.

Kính gửi: Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hà Nam nhận được công văn 15.6SONNE/CV ngày 16/6/2020 của Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina về việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hạng mục: Điều chỉnh thiết kế PCCC đối với công trình Nhà máy Sonneteck Tj Vina tại KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hà Nam có ý kiến như sau:

1. Đồng ý về PCCC đối với các hạng mục bổ sung, điều chỉnh gồm:

- Điều chỉnh lại vách ngăn trực X1-X6 đến Y3-Y6 và cửa thoát nạn theo các bản vẽ có kí hiệu W-FL-01, W-FL-02, W-FL-05 đến W-FL-07, W-DW-01, W-DW-02, W-DW-04.

- Thay đổi vị trí bể nước và cầu thang thoát nạn theo bản vẽ có kí hiệu M-01, WT-03, WT-06, W-FL-01, W-FL-02.

- Lắp đặt bổ sung họng nước chữa cháy vách tường, đầu báo cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn. Điều chỉnh khoảng cách trụ nước ngoài nhà, thay đổi kiểu lắp đặt đầu phun Sprinkler theo các bản vẽ có kí hiệu M3-FF-02.1 đến M3-FF-06.1, BC-01.1, BC-02.1, EX-01.1 đến EX-03.

2. Đề nghị Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina và các đơn vị liên quan tổ chức thi công, lắp đặt theo đúng thiết kế; đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình thi công và thực hiện việc kiểm tra điều kiện an toàn PCCC trước khi đi vào hoạt động.

Văn bản thẩm duyệt về PCCC này là thành phần của Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC 314/TD-PCCC ngày 16/3/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam, thông báo để Công ty TNHH Sonneteck Tj Vina biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Đội 1.

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Kiên Cường

Số: 1151/NT-PCCC

Hà Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

V/v nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina.

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Giấy chứng nhận Thẩm duyệt về PCCC số 314/TD-PCCC ngày 16/3/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam;

- Căn cứ Văn bản Thẩm duyệt về PCCC số 811/TD-PCCC ngày 25/6/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam;

- Căn cứ đề nghị tại văn bản số 08-2020/NTPCCC ngày 29/7/2020 của Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina về việc kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Nhà máy sản xuất Sonneteck TJ Vina;

- Căn cứ Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam, cùng các bên liên quan lập ngày 08/8/2020;

- Căn cứ hồ sơ nghiệm thu về PCCC của Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina; Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam, đồng ý nghiệm thu về PCCC với các nội dung sau:

I. Thông tin chung về công trình

1. Tên công trình: Nhà máy sản xuất Sonneteck TJ Vina.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina.
3. Địa điểm xây dựng: KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
4. Quy mô công trình: Nhà xưởng có diện tích 6.000m², 01 tầng; khu văn phòng diện tích 925m², 02 tầng và các công trình phụ trợ khác.
5. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Han Coo Vina, Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh – Chi nhánh Công ty cổ phần kết cấu thép xây dựng, Công ty cổ phần sơn chống cháy Việt Nam, Công ty cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Poscom.

II. Các nội dung nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư

1. Khoảng cách an toàn PCCC; Đường giao thông cho xe chữa cháy;
2. Bậc chịu lửa; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
3. Lối thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chống sét;
5. Hệ thống chữa cháy bằng nước trong nhà (hạng nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler);
6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu (Bình khí chữa cháy CO₂, bình bột chữa cháy MFZ4).

III. Một số yêu cầu kèm theo

Để bảo đảm an toàn PCCC cho công trình trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động, theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ; đồng thời phải lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014 của Bộ Công an;

2. Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

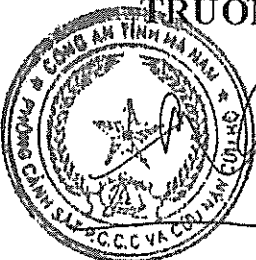
3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

4. Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 – Bộ Công an;
- Lưu: Đội 1.

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Kiên Cường

CÔNG AN TỈNH HÀ NAM
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1513 /NT-PCCC

Hà Nam, ngày 12 tháng 7 năm 2021

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối
với phần cải tạo Nhà máy sản xuất TZ Hitec
của Công ty TNHH TZ Hitec.

Kính gửi: Công ty TNHH TZ Hitec.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 314/TD-PCCC ngày 16/3/2020; Văn bản Thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh số 811/TD-PCCC ngày 25/6/2020 và số 1221/TD-PCCC&CNCH ngày 11/6/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01-2021/NTPCCC ngày 30/6/2021 của Công ty TNHH TZ Hitec;

Người đại diện theo pháp luật là ông: Ku Ja Kyung, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 08/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam, cùng các bên liên quan lập, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hà Nam, chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với phần cải tạo Nhà máy sản xuất TZ Hitec, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH TZ Hitec.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Hanco Vina; Công ty cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Poscom.

Quy mô hạng mục nghiệm thu: Ngăn chia vách và điều chỉnh cửa trục X1-X3/Y2-Y3 nhà văn phòng; trục X4-X5/Y3-Y4 khu vực kho; ngăn thêm các gian phòng trục X5-X8/Y6-Y9 khu vực sản xuất; điều chỉnh cửa trục X7-X8/Y6-Y7, trục X4-X7/Y6, trục X1-X2/Y3, trục X4-X6/Y3-Y4; bổ sung cửa trục X1/Y4-Y5; bỏ cửa trục X1-X2/Y6. Điều chỉnh, bổ sung đầu báo cháy, đầu phun hệ thống chữa cháy tự động sprinkler; đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy: Ngăn cháy, chống cháy lan; lối và các điều kiện thoát nạn; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống chữa cháy tự động sprinkler; hệ thống báo cháy tự động.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

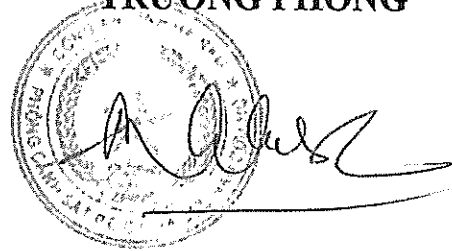
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định./✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 - Bộ Công an;
- Lưu: Đội 1.

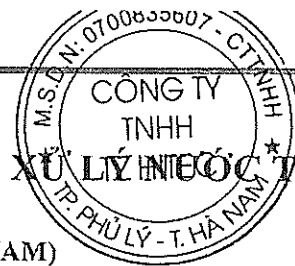
TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Kiên Cường

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(KHU CÔNG NGHIỆP CHÂU SƠN - HÀ NAM)



Số: 31/12/21/XLNT/HVPID-TZ HITEC

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

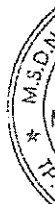
Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VPID HÀ NAM

và

CÔNG TY TNHH TZ HITEC

Hà Nam , tháng 12 năm 2021



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Tại KCN Châu Sơn, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Số: 31/12/21/XLNT/HVPID-TZ HITEC

Các căn cứ:

- Luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
- Luật Bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số: 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát và xử lý nước thải;
- Nghị định số: 55/2021/ NĐ-CP ngày 24/05/2016 của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Thông tư số: 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam với mã số doanh nghiệp: 0700540547 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/8/2011.
- Quyết định số 1693/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Châu Sơn mở rộng – tỉnh Hà Nam.
- Quyết định số 61/QĐ-BQLCKCN ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “nhà máy sản xuất Soneteck TJ Vina” của Công ty TNHH Soneteck TJ Vina.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng nhu cầu của mỗi bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2021, Hợp đồng được lập tại văn phòng Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam, địa chỉ: KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam giữa các bên sau:

1. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH TZ HITEC

Người đại diện : Ông **KU JA KYUNG**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Trụ sở : Lô CN-11, đường D6 và N5, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Điện thoại :
Tài khoản VNĐ :
Mã số thuế : 0700835607
(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

2. BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VPID HÀ NAM

Người đại diện : Ông NGUYỄN ANH ĐỆ
Chức vụ : Giám đốc
Trụ sở : KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Điện thoại : (0226) 6252 137 Fax: (0226) 6252 138
Email : kcncchauson@vpid.vn
Tài khoản VNĐ : 0300 3258 6666 tại Ngân hàng Sacombank - Hà Nam
Mã số thuế: : 0700 540 547
(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Do vì:

- Bên A là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam có nhu cầu cần được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.

- Bên B là Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên A.

- Các Bên đã hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND tỉnh Hà Nam về công tác bảo vệ môi trường tại KCN Châu Sơn và cam kết chấp hành, thực hiện.

Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký và thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI CỦA HỢP ĐỒNG

- Đối tượng của Hợp đồng: Bên B nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên A xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Châu Sơn, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt **tiêu chuẩn cột A** theo QCVN40:2011/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam về nước thải công nghiệp. (Chi tiết trong phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này) hoặc các tiêu chuẩn thay thế sau này.

- Nước thải bao gồm: Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh

- Phạm vi thực hiện: Hoạt động xử lý nước thải của Bên B và hoạt động xả nước thải của Bên A vào hệ thống thu gom của Bên B được giới hạn trong KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.

- Công tác phối hợp làm việc giữa 2 bên:

- Bất kỳ thông tin, tài liệu trao đổi giữa hai bên liên quan đến Hợp đồng này đều phải được thực hiện dưới hình thức văn bản.

- Hai bên trao đổi thông tin cho nhau phải là người có chuyên môn, nghiệp vụ được giao phụ trách giải quyết các vấn đề, chịu trách nhiệm xác nhận vào các tài liệu, biên bản được thiết lập giữa hai bên liên quan đến Hợp đồng này.

- Thông tin về cán bộ phụ trách các vấn đề liên quan đến Hợp đồng này của 02 bên được quy định cụ thể như sau:

Bên A	Bên B
I. Ông: Nguyễn Đức Mạnh Chức vụ: Nhân viên HCNS Email: manh@tz-corporation.com Điện thoại: 0359107333	I. Bà: Lê Thị Quỳnh Chức vụ: Cán bộ Môi trường Email: qlmtkcncchauson@gmail.com Điện thoại: 0979.311.255

Khi một trong hai bên có sự thay đổi về cán bộ phụ trách thì cần phải báo trong vòng 02 (hai) ngày cho bên kia biết để thực hiện.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI:

- a. Điểm đầu nối nước thải của Bên A vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn là 01 vị trí hố ga do Bên B chỉ định (thông qua biên bản thoả thuận đầu nối giữa hai bên) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên A được nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của toàn KCN và chỉ có một điểm đầu nối duy nhất.
- b. Tọa độ hố ga đầu nối: X= 2268776.6011; Y= 592904.4845 (hố ga D6-01)
- c. Tại điểm đầu nối nước thải của Bên A vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Châu Sơn phải theo mẫu thiết kế của Bên B.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN A XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN B:

3.1. Thời điểm tính phí

Bên B tính phí xử lý nước thải đối với Bên A bắt đầu từ ngày hai bên ký kết Biên bản đầu nối nước thải.

3.2. Khối lượng nước thải tính phí

- 3.2.1. Trường hợp Bên A chỉ sử dụng 01 nguồn nước sạch do Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam cấp: Khối lượng nước thải tính toán để thu phí dịch vụ hàng tháng được xác định bằng 100% lượng nước sạch ghi trên hoá đơn cấp nước sạch cho Bên A trong tháng đó (theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 08/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải).

3.2.2. Trường hợp Bên A sử dụng từ 02 nguồn nước đầu vào trở lên:

- Khối lượng nước thải tính toán để thu phí hàng tháng được xác định bằng 100% tổng lượng nước sạch đầu vào của các nguồn nước Bên A sử dụng trong tháng đó.
- Các nguồn nước sạch đầu vào của Bên A được xác định theo chỉ số đồng hồ lắp đặt cho từng nguồn nước Bên A sử dụng. Chi phí lắp đặt đồng hồ và chi phí đồng hồ do Bên A chịu.
- Nếu Bên A sử dụng nguồn nước sạch đầu vào là nước giếng khoan thì phải được cơ quan thẩm quyền cấp phép khai thác, và phải lắp đặt đồng hồ đo nước cấp sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất. Chi phí lắp đặt đồng hồ và chi phí đồng hồ do Bên A chịu.

3.2.3. Công suất xả nước thải tối đa một tháng không vượt quá 20% mức bình quân tháng được bên A tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Chất lượng nước thải của Bên A:

Nước thải của Bên A chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Châu Sơn, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam khi Bên A đã xử lý tối thiểu đạt giá trị nồng độ của các thông số ô nhiễm nước thải công nghiệp tại **cột B** theo QCVN 40:2011/BTNMT (chi tiết trong phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này) hoặc các Quy chuẩn thay thế sau này; phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường môi trường Dự án của Bên B đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

- 4.1. Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật; quy định của Bên B về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải.
- 4.3. Cung cấp cho Bên B 01 (một) bộ hồ sơ đầy đủ về báo cáo Đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Bên A đã được sự chấp thuận/xác nhận của các cơ quan chức năng.
- 4.4. Cung cấp báo cáo quan trắc môi trường định kỳ theo các tài liệu môi trường đã được phê duyệt (báo cáo ĐTM, Cam kết, Kế hoạch BVMT) của Bên A cho Bên B.
- 4.5. Thực hiện các nội dung đã cam kết trong Hợp đồng này.
- 4.6. Thanh toán kịp thời và đầy đủ Phí xử lý nước thải theo quy định tại Điều 7.
- 4.7. Chịu trách nhiệm khắc phục và chấp thuận bồi thường thiệt hại cho Bên B, đồng thời thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải nếu kết quả phân tích của lần lấy mẫu vượt quá giới hạn quy định tại Khoản 3.3 của Điều 3.

- 4.8. Thường xuyên hay định kỳ phải lấy mẫu nước thải để kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.9. Thông báo cho Bên B trước 15 ngày làm việc khi dự kiến tăng công suất xả nước thải hoặc thay đổi chất lượng nước thải.
- 4.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

- 5.1. Yêu cầu Bên A thanh toán kịp thời, đầy đủ phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Châu Sơn.
- 5.2. Tạm ngừng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải cho Bên A nếu quá thời hạn 02 lần thông báo yêu cầu thanh toán mà Bên A vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Bên B.
- 5.3. Thực hiện điều chỉnh phí xử lý nước thải phù hợp với điều kiện thực tế, trước khi thực hiện việc điều chỉnh Bên B sẽ gửi thông báo cho Bên A ít nhất trước 15 ngày làm việc.
- 5.4. Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.
- 5.5. Đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên A, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT của Bên A.
- 5.6. Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 5.7. Chấp hành và thực hiện các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.
- 5.8. Thông báo cho Bên A biết để cùng thực hiện việc lấy mẫu nước thải.
- 5.9. Khi tiến hành sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và bảo hành, bảo dưỡng Nhà máy XLNT, Bên B sẽ có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên, đồng thời Bên B sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường và hoạt động sản xuất của Bên A.
- 5.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 6. GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐỊNH KỲ/ ĐỘT XUẤT

Vị trí hố ga lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải định kỳ/đột xuất của Bên A là vị trí hố ga đầu nối được nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này.

Trong quá trình cung cấp dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp, Bên B sẽ thực hiện giám sát chất lượng nước thải định kỳ hoặc đột xuất đối với Bên A. Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này, các Bên cần phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

Đối với bên A

- 6.1. Phối hợp làm việc cùng Bên B trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải của Bên A và cung cấp dịch vụ XLNT.

- 6.2. Cán bộ phụ trách của Bên A (quy định tại Điều 1) hoặc người được Bên A chỉ định trong trường hợp cán bộ phụ trách của Bên A vắng mặt để ký vào Biên bản lấy mẫu nước thải trước khi gửi đi phân tích.
- 6.3. Khi Bên B thực hiện lấy mẫu nước định kỳ, đột xuất của Bên A để phân tích sẽ thông báo cho người phụ trách của Bên A (quy định tại Điều 1) bằng điện thoại phải có mặt sau 15 phút kể từ khi Bên B thông báo để chứng kiến và ký biên bản lấy mẫu nước thải.
- 6.4. Được bàn giao 01 mẫu nước thải khi Bên B thực hiện lấy mẫu và phải gửi đi phân tích ngay.
- 6.5. Ngoài 01 mẫu nước thải gửi đi phân tích; 01 mẫu nước thải bàn giao cho bên B, bên A cần yêu cầu nhà thầu của bên A lưu giữ 01 mẫu nước thải được niêm phong để làm mẫu đối chứng- mẫu đối chứng được niêm phong và ký xác nhận bởi các bên, lưu giữ ở nhiệt độ 4°C trong vòng 28 ngày.

Đối với Bên B

- 6.6. Thực hiện việc lấy mẫu nước thải định kỳ/đột xuất tại vị trí đầu nối của Bên A với hệ thống thu gom nước thải của KCN (mỗi lần lấy ít nhất 03 mẫu nước thải).
- 6.7. Thông báo và yêu cầu cán bộ phụ trách về môi trường của Bên A (quy định tại Điều 1) ký vào biên bản lấy mẫu nước thải trước khi gửi đi phân tích.
- 6.8. Trong trường hợp đột xuất khi Bên B phát hiện ra Bên A vi phạm xả thải, Bên B sẽ lấy mẫu nước thải phân tích, đồng thời thông báo tới Bên A dưới hình thức: Gọi điện trực tiếp cho cán bộ phụ trách của Bên A (quy định tại Điều 1) và thông báo bằng văn bản. Toàn bộ quá trình trên sẽ được Bên B quay phim và chụp ảnh làm bằng chứng. Trong trường hợp Bên A không phối hợp làm việc thì mẫu nước thải vừa lấy sẽ được gửi đi phân tích mà không cần có sự xác nhận việc lấy mẫu nước thải của Bên A. Bên A có trách nhiệm chịu hoàn toàn chi phí phát sinh từ việc lấy mẫu phân tích và chịu chi phí bồi hoàn (nếu kết quả phân tích mẫu nước thải thể hiện Bên A vi phạm xả thải theo Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này).
- 6.9. Ngoài 01 mẫu nước thải được gửi đi phân tích, Bên B được ủy quyền cho nhà thầu có chức năng lưu giữ 01 mẫu nước được niêm phong để làm mẫu đối chứng – Mẫu đối chứng được niêm phong và ký xác nhận bởi các bên. Thời gian lưu giữ mẫu đối chứng không quá 28 ngày kể từ ngày lấy mẫu.. Trong trường hợp bên A không thống nhất kết quả phân tích mẫu nước thải do nhà thầu của bên B cung cấp thì mẫu đối chứng sẽ được phá niêm phong và được phân tích bởi đơn vị thứ 3 do 2 bên thống nhất.

So sánh kết quả phân tích mẫu nước thải của các bên

- 6.10. Trường hợp kết quả phân tích mẫu nước thải của hai Bên vượt quy chuẩn và có sự sai lệch kết quả thì sẽ cùng nhau tiến hành mở mẫu đối chứng tại đơn vị thứ 3 do hai Bên

thống nhất, kết quả của mẫu đối chứng sẽ để làm căn cứ thực hiện theo các điều kiện của Hợp đồng. Bên A phải cung cấp kết quả cho Bên B kết quả để so sánh không quá 14 ngày kể từ ngày lấy mẫu nước thải.

ĐIỀU 7. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

7.1. Phí dịch vụ:

7.1.1. Các Bên chấp thuận rằng đơn giá phí dịch vụ xử lý nước thải với thành phần và nồng độ không vượt quá giá trị giới hạn quy định tại Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này là: **9.600 VND/m³** (Chín nghìn Sáu trăm đồng một mét khối nước thải chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng - Thuế VAT).

7.1.2. Khối lượng nước thải để tính toán phí dịch vụ XLNT được xác định theo Khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng này.

7.1.3. Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phí xử lý nước thải hàng tháng được tính như sau đối với trường hợp chất lượng nước thải của Bên A với thành phần và nồng độ không vượt quá giá trị giới hạn quy định tại Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này:

Phí XLNT = Đơn giá x Khối lượng nước thải bằng 100% lượng nước sạch ghi trên hoá đơn cấp nước sạch cho Bên A trong tháng đó.

7.1.4. Trường hợp Bên B tiến hành lấy mẫu nước thải của Bên A để phân tích thì sau khi có kết quả phân tích nước thải của bên A, Bên B sẽ tổng hợp các kết quả để xác định giá trị hệ số ô nhiễm K để tính bổ sung phí xử lý nước thải của tháng thực hiện lấy mẫu nước thải phân tích. Nếu kết quả phân tích nước thải của Bên A vượt quá giá trị giới hạn quy định tại Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này, Bên B sẽ thông báo cho Bên A số tiền phí xử lý nước thải bổ sung phải thanh toán trong tháng đó theo kết quả phân tích kèm theo. Phí xử lý nước thải bổ sung thực hiện theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Phí xử lý nước thải} \\ \text{bổ sung} \\ \text{(chưa bao gồm} \\ \text{VAT)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng nước} \\ \text{thải của tháng vì} \\ \text{phạm (m}^3\text{)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{(9.600đ)} \end{array} \times \text{Hệ số K} - \begin{array}{l} \text{Phí xử lý nước} \\ \text{thải đã thanh} \\ \text{toán theo khối} \\ \text{lượng quy} \\ \text{định tại Điểm} \\ \text{7.1.3 Khoản} \\ \text{7.1 Điều 7} \end{array}$$

Hệ số K được xác định là một trong 4 trường hợp sau:

- Trường hợp 1: K1 = 1, K2 = 1 Thì hệ số: K = 1
- Trường hợp 2: K1 = 1, K2 > 1 Thì hệ số: K = K2
- Trường hợp 3: K1 > 1, K2 = 1 Thì hệ số: K = K1
- Trường hợp 4: K1 > 1, K2 > 1 Thì hệ số: K = K1 + K2

+ Hệ số K1 (hệ số mức độ ô nhiễm COD) sẽ được xác định theo điều 3 Thông tư số: 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước hoặc thừa kế của các Thông tư sau này.

+ Hệ số K2 là tỷ lệ mức độ các chất ô nhiễm nước thải (ngoại trừ chỉ tiêu COD) như trong bảng tiêu chuẩn cam kết giữa các bên tại phụ lục Hợp đồng.

Cụ thể như sau:

- Hệ số K1: Xác định mức độ ô nhiễm COD sẽ được áp dụng theo bảng dưới đây:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K1
1	≤ 150	1
2	151 – 200	1,5
3	201 – 300	2

Hệ số K2: Mức độ ô nhiễm các chỉ tiêu còn lại ngoại trừ chỉ tiêu COD và lấy chỉ tiêu cao nhất để xác định hệ số K2.

Hệ số K2 được xác định theo số lần vượt của từng chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước thải (ngoại trừ chỉ tiêu COD) như trong bảng cam kết giữa các bên tại phụ lục Hợp đồng này. Phương pháp xác định như sau:

Tỷ lệ vượt (số lần) = Giá trị ô nhiễm trong mẫu nước/Giá trị quy định tại cột B tương ứng:

STT	Tỷ lệ vượt (số lần)	Hệ số K2
1	≤ 1,01	1
2	1,011~ 1,10	1,25
3	1,11 ~ 1,50	1,5
4	1,51 ~ 1,75	2
5	1,76 ~ 2,00	2,5

Trường hợp nước thải của Bên A có 1/33 chỉ tiêu ô nhiễm vượt >2,0 lần, Bên B sẽ tạm dừng tiếp nhận để lập biên bản xử lý vi phạm và mức phí sẽ được áp dụng theo Khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng này.

7.1.5. Trường hợp chất lượng nước thải của Bên A với thành phần và nồng độ vượt giá trị giới hạn quy định tại Khoản 3.3 Điều 3 nhưng trong giới hạn quy định tại Điểm 7.1.4 Khoản 7.1 Điều 7 thì phí xử lý nước thải bổ sung sẽ được tính theo công thức quy định tại Điểm 7.1.4 Khoản 7.1 Điều 7.

7.1.6. Việc điều chỉnh Phí dịch vụ XLNT được thực hiện trong các trường hợp: Chi phí vận hành của nhà máy XLNT tập trung (bao gồm chi phí hóa chất, nguyên liệu, điện, và tiền lương cán bộ, công nhân) thay đổi hoặc khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ XLNT, chất lượng dịch vụ hoặc sự thay đổi về cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đơn giá trên có thể được điều chỉnh thay đổi theo quyết định của UBND tỉnh Hà Nam hoặc đơn giá tiền nước sạch thay đổi, đơn giá xử lý nước thải cũng căn cứ vào

đơn giá nước sạch hoặc chỉ số CPI (Chỉ số thu nhập bình quân đầu người) của Việt Nam làm tham khảo điều chỉnh đơn giá, Bên B sẽ thông báo đơn giá xử lý nước thải mới, thời điểm bắt đầu áp dụng cho bên A.

7.1.7. Cơ sở ban đầu để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải trong Báo cáo kết quả quan trắc môi trường mới nhất của Bên A.

7.2. Phương thức thanh toán:

7.2.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ XLNT (phí xử lý nước thải bổ sung nếu có) cho Bên B trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn hàng tháng của Bên B (hóa đơn này được coi là thông báo thanh toán lần 01) vào tài khoản của Bên B tại Hợp đồng này.

i. Nếu quá thời hạn ba mươi (30) ngày nêu trên mà Bên A vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được giấy báo lần 2 của Bên B.

ii. Quá thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán lần 2 của Bên B mà Bên A vẫn chưa thanh toán thì Bên B sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT cho đến khi Bên A thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo thông báo.

7.2.2. Kể từ ngày Bên A thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên B, Bên B sẽ mở van xả thải cho Bên A để Bên A được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên B. Khi đó, Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B toàn bộ chi phí phát sinh từ việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước, và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (tính 02 triệu VNĐ/ 1 lần đóng, mở van nếu có) và tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên A thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) khoản 7.2.1 ở trên, Bên B chấp thuận chịu phạt với mức phạt bằng 150% lãi suất tiền gửi đối với khách hàng doanh nghiệp, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) niêm yết công khai trên trang Website tại thời điểm thanh toán trên số tiền chậm trả mỗi ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

7.2.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

ĐIỀU 8. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ XLNT:

8.1. Trường hợp nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức giá trị quy định tại Điểm 7.1.4 Khoản 7.1 Điều 7. Bên B sẽ thông báo cho bên A kết quả phân tích nước thải. Hai bên sẽ lập biên bản về trường hợp sự cố của bên A và thống nhất cách tính phí xử lý bổ sung:

$$\text{Phí xử lý nước thải bổ sung (chưa bao gồm VAT)} = 2,5 \times 2 \times \text{Đơn giá (9.600 Đ/m}^3\text{)} \times \text{Khối lượng nước thải của tháng vi phạm (m}^3\text{)}$$

Thời gian khắc phục sự cố tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên B lập biên bản đối với hành vi vi phạm.

- 8.2. Khi Bên A vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải tập chung, Bên B sẽ thông báo văn bản về việc vi phạm và yêu cầu Bên A khắc phục. Sau 03 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên A không có phản hồi thông tin bằng văn bản thì Bên B sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 02 ngày của thông báo lần 2 mà Bên A vẫn không có phản hồi bằng văn bản thì Bên B được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thỏa thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.
- 8.3. Trong trường hợp đột xuất khi Bên B phát hiện ra Bên A vi phạm xả thải, Bên B sẽ lấy mẫu phân tích, đồng thời thông báo tới Bên A dưới hình thức: Gọi điện trực tiếp và/hoặc tin nhắn cho cán bộ phụ trách của bên A (quy định tại khoản 1.4 Điều 1) và/hoặc thông báo bằng văn bản. Toàn bộ quá trình trên sẽ được bên B quay phim và chụp ảnh làm bằng chứng. Trong trường hợp Bên A không phối hợp làm việc thì mẫu phân tích vừa lấy sẽ được gửi đi phân tích mà không cần có sự xác nhận việc lấy mẫu của Bên A. Bên A có trách nhiệm chịu hoàn toàn chi phí phát sinh từ việc lấy mẫu phân tích và chịu chi phí nước thải bổ sung theo Khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng này (nếu kết quả phân tích thể hiện Bên A vi phạm xả thải theo Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này).
- 8.4. Bên B sẽ thực hiện lấy mẫu nước định kỳ, đột xuất của bên A để phục vụ phân tích và thông báo cho người phụ trách của bên A (quy định tại khoản 1.4 Điều 1) bằng điện thoại/tin nhắn/gửi e-mail để chúng kiến và ký biên bản lấy mẫu nước. Trường hợp cán bộ phụ trách của bên A vắng mặt và/hoặc không có cán bộ khác thay thế sau 15 phút kể từ khi bên B thông báo thì coi như bên A đã vi phạm hợp đồng.
- 8.5. Khi Bên A vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung, Bên B tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên A phải khắc phục ngay các sai phạm và hành vi này cũng được coi Bên A đã vi phạm vào Điều 8 của Hợp đồng này.
- 8.6. Trường hợp Bên B phát hiện Bên A xả nước thải vào hệ thống thoát nước mặt phía trong tường rào và phía ngoài tường rào của Bên A thì hành vi này cũng được coi Bên A đã vi phạm vào Điều 8 của Hợp đồng này.
- 8.7. Khi Bên B phát hiện Bên A sử dụng nguồn nước sạch khác nguồn nước quy định tại Khoản 3.1 hoặc lắp đặt sử dụng nhiều hơn 01 đồng hồ nước sạch mà không thông báo với Bên B thì coi như Bên A đã vi phạm Hợp đồng. Bên A phải bồi hoàn toàn bộ thiệt hại liên quan đến việc vận hành, xử lý nước thải tập chung của KCN và phải chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật của Nhà nước kèm theo đó các biên bản

được lập khi xảy ra sự việc đều được Bên B gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Hà Nam như: Sở Tài nguyên và môi trường; Chi cục bảo vệ Môi trường; Ban quản lý các KCN; Cảnh sát Môi trường...

- 8.8. Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên A đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1. “Bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường mà:
- Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một Bên.
 - Bên đó không thể lường trước tại thời điểm khi ký kết Hợp đồng.
 - Đã xảy ra mà Bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý.
 - Không thể quy kết cho Bên kia.
- 9.2. Bất khả kháng có thể gồm nhưng không giới hạn những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thoả mãn các điều kiện từ Điểm a. đến Điểm d. của Khoản 9.1 nêu trên.
- Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan, và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường trước hết được sự thay đổi chính sách hoặc sự ngăn cấm của Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- 9.3. Nếu một Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp đồng này do xảy ra một trong các sự kiện bất khả kháng đã nêu tại Điều này, Bên đó phải gửi văn bản thông báo cho Bên kia trong thời hạn không chậm hơn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và tham vấn Bên kia về biện pháp khắc phục hay hạn chế sự kiện bất khả kháng đó.
- Các bên sẽ nỗ lực để hạn chế tổn thất ở mức có thể. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đó sẽ không phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại, chi phí và tổn thất mà Bên kia có thể phải gánh chịu do việc Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên đó quy định tại Hợp đồng này và việc không thể thực hiện hoặc chậm thực hiện đó sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng này.
- 9.4. Bên viện dẫn sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm thực hiện ngay các biện pháp thích hợp để giảm thiểu hoặc loại bỏ hậu quả của sự kiện bất khả kháng đó trong thời gian ngắn nhất có thể, nỗ lực để tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đó.
- 9.5. Căn cứ vào tác động của sự kiện bất khả kháng đối với việc thực hiện Hợp đồng này, các bên có thể tham vấn lẫn nhau và quyết định liệu có tạm thời ngừng thực hiện

hoặc chấm dứt Hợp đồng này. Nếu nghĩa vụ của một Bên hoặc các bên không thực hiện do sự kiện bất khả kháng trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng đó, bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đó có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo chấm dứt bằng văn bản cho bên kia.

ĐIỀU 10. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **31/12/2022** hoặc hết hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Khoản 11.3 Điều 11 của Hợp đồng.

ĐIỀU 11. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

- 11.1. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Các bên mới có hiệu lực trừ trường hợp Nhà nước Việt Nam ban hành các quy định mới bắt buộc Các bên phải tuân theo.
- 11.2. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 11.3. Chấm dứt hợp đồng:
- 11.3.1. Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực khi xảy ra một trong những trường hợp sau:
- i) Theo thoả thuận của Các bên.
 - ii) Bên A bị giải thể, phá sản hoặc bị rút Giấy chứng nhận đầu tư trước khi Hợp đồng này hết thời hạn.
 - iii) Có sự thay đổi của pháp luật Việt Nam ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Bên A, buộc Bên A phải chấm dứt hoạt động đầu tư trực tiếp và hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.
 - iv) Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với Pháp luật Việt Nam, yêu cầu bất kỳ Bên nào hoặc Các bên chấm dứt Hợp đồng này và quyết định đó không được huỷ bỏ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có hiệu lực của quyết định đó.
 - v) Khi xảy ra một trong các sự kiện bất khả kháng quy định tại Khoản 8.2, Điều 8 của Hợp đồng này.
 - vi) Trường hợp Bên A vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng cho hệ thống xử lý nước thải của Bên B hoặc cố ý xả nước thải ra môi trường.
 - vii) Trong trường hợp Bên A tái vi phạm về chất lượng nước thải được quy định tại Khoản 8.1, Điều 8 quá 5 lần/1 năm.
- 11.3.2. Việc chấm dứt quy định tại Điểm 11.3.1 trên sẽ được thực hiện bằng việc một Bên gửi thông báo chấm dứt bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 15 kể từ ngày ghi trên thông báo đó.

11.3.3. Việc chấm dứt Hợp đồng này vì bất cứ lý do gì sẽ không dẫn đến việc miễn trừ các nghĩa vụ của bất kỳ Bên nào phát sinh theo Hợp đồng này đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

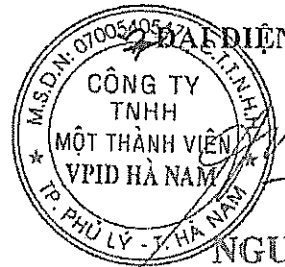
ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hòa giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

- 13.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều qui định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;
- 13.2. Hợp đồng này gồm 14 trang, 13 Điều và 01 Phụ lục được lập thành sáu (06) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) và Bên B giữ 04 (bốn) bản gốc để thực hiện.
- 13.3. Để xác nhận sự đồng ý và nhất trí của mình đối với các Điều, Khoản thoả thuận nêu trên, Đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B đã ký Hợp đồng này dưới chữ ký thẩm quyền và con dấu hợp pháp của mình vào ngày ký.
- 13.4. Trong trường hợp có sự thay đổi của các quy định pháp luật hiện hành về quản lý môi trường hoặc có sự điều chỉnh điều khoản hợp đồng theo đề nghị của 02 bên thì 02 bên sẽ thương thảo ký phụ lục hợp đồng.


TỔNG GIÁM ĐỐC
KU JA KYUNG


GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH ĐỀ

PHỤ LỤC SỐ: 01

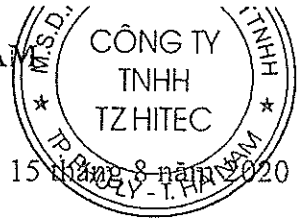
(QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp
của Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam)

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 15 tháng 8 năm 2020



BIÊN BẢN ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI

Căn cứ hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải số 90/XLNT-HVPID ngày 15/8/2020 giữa Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam và Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2020, tại văn phòng Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam.

Thành phần gồm:

1. Đại diện Bên A: CÔNG TY TNHH SONNETECK TJ VINA

1. Ông: **KIM HONGIL** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Đại diện Bên B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VPID HÀ NAM

1. Ông: **PHẠM TRUNG KIÊN** – Chức vụ: Giám đốc

2. Bà: Lê Thị Quỳnh – Chức vụ: Tổ trưởng NMXLNT

Nội dung:

1. Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam đồng ý cho Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp Châu Sơn.

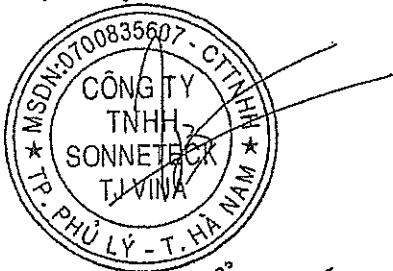
- Vị trí đầu nối: hố ga D6- 01

- Địa điểm đầu nối: đường D6, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Việc đầu nối của Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina đạt yêu cầu: hố ga đầu nối đúng theo mẫu thiết kế của bên B (có bản vẽ thiết kế hố ga kèm theo).

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

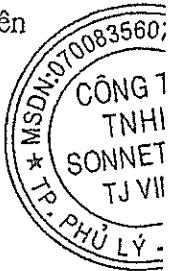


TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM HONGIL

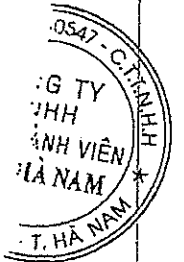
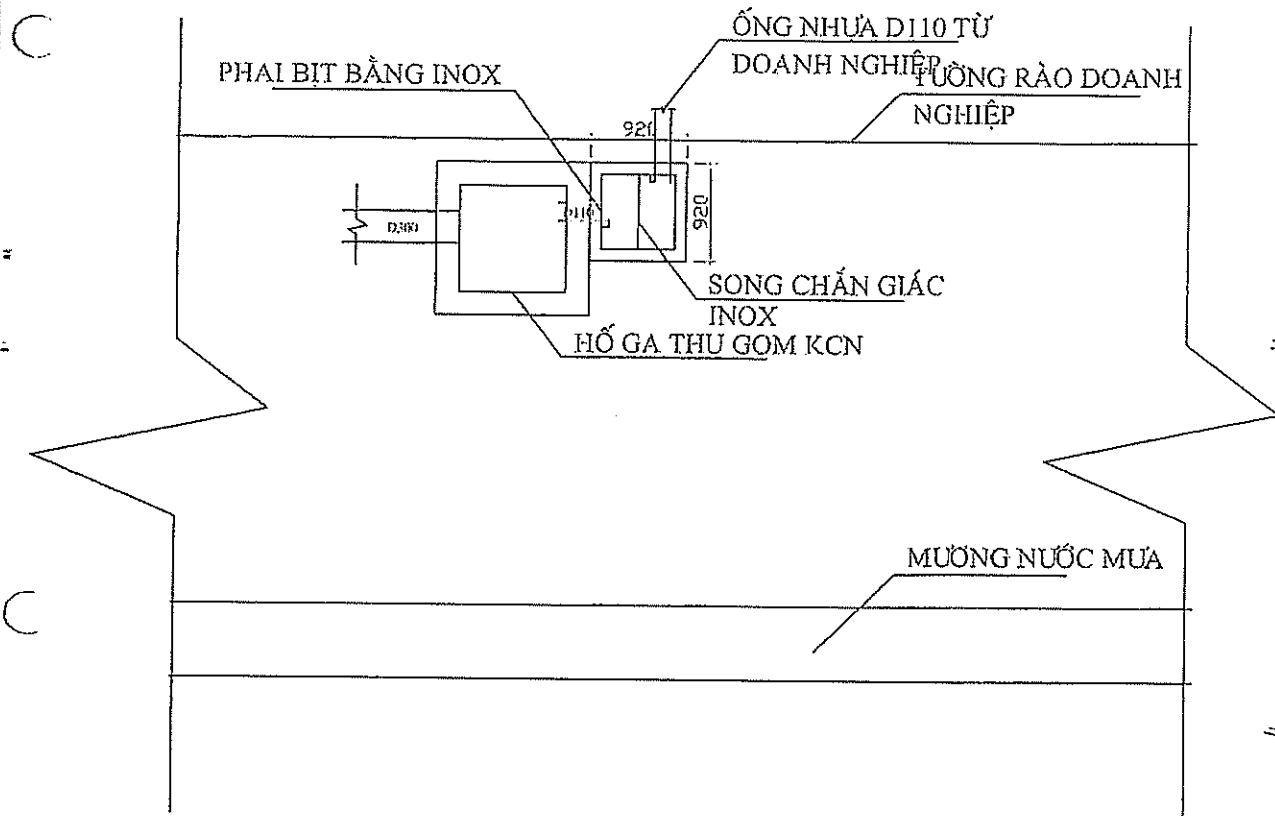
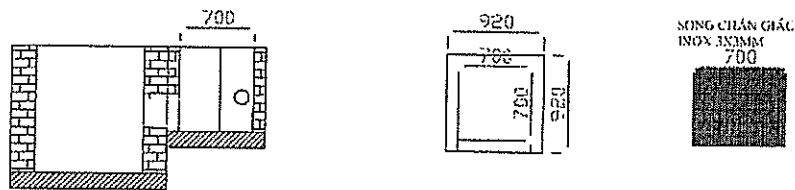
ĐẠI DIỆN BÊN B *sh*



GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Kiên



CHI TIẾT VỊ TRÍ ĐẦU NỐI



CHÚ Ý:

ĐƯỜNG ống đầu nối vào hố ga là ống nhựa D90, chiều dài cách tường thành hố ga 20-30cm.

NẮP HỐ GA: LÀM BẰNG THÉP MẠ KẼM, 2 MẢNH, CÓ BÀN LỀ VÀ CÓ TAY CẦM, MÓC KHÓA.

HỐ GA ĐƯỢC TRÁT XI MẮNG ĐẢM BẢO CHỐNG THẤM NƯỚC THẢI RA NGOÀI MÔI TRƯỜNG.

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG
THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI SINH HOẠT

*CONTRACT OF TRANSPORTING AND COLLECTING, AND TREATMENT OF
INDUSTRIAL WASTE AND DOMESTIC WASTE*

Số: ... ~~105A~~ .../2020/HĐKT/HLSME-TZHITEC

Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Pursuant to the Civil Code passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24, 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

Pursuant to the Law on Environmental Protection adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 23, 2014, effective from January 1, 2015;

Căn cứ vào Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 30/06/2015 Quy định về Quản lý chất thải nguy hại.

Based on the Circular No 36/2015/TT-BTNMT from Ministry of natural resources and environment date 30/06/2015 of hazardous waste management

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Based on the ability and requirement of both parties

Hôm nay, ngày 18 tháng 08 năm 2020 chúng tôi gồm:

Today: 18/08/2020, We are:

1 – Bên A: CÔNG TY TNHH TZ HITEC

1 – PARTY A:

- Địa chỉ: Lô CN-11, đường D6 và N5, khu Công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phú Lý, Hà Nam, Vietnam

- Address: Lot CN-11, Road D6 and N5, Chau Son Industrial Park, Chau Son Ward, Phu Ly City, Ha Nam, Vietnam

- Điện thoại:

- Tel:

- Mã số thuế / Tax code: 0700835607

- Người đại diện: Kim Hong Il

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

- Represented: **Kim Hong Il**

Position : **General Director**

- Tài khoản số:

3 - Trong quá trình thực hiện hợp đồng khi có phát sinh chất thải khác cần thu gom, xử lý thì hai bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

3 - *During the implementing time if there is any other type of hazardous waste arising from party A's production, the two parties will sign an additional annex.*

Điều 2: Đơn giá, đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận.

Article 2: Waste specifications, venue for waste pick-up and waste collection schedule/

1 - Đặc tính chất thải: Như các bảng trên

1 - *Waste specifications: See the above list*

2 - Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của bên A (Lô CN-11, đường D6 và N5, khu Công nghiệp Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam, Vietnam)

2 - *Venue for waste pick-up: Waste storage of party A (Lot CN-11, Road D6 and N5, Chau Son Industrial Park, Chau Son Ward, Phu Ly City, Ha Nam, Vietnam)*

3 - Thời gian giao nhận: Theo yêu cầu của bên A

3 - *Waste collection schedule: Party B will collect waste on demand of Party A.*

Điều 3: Điều khoản thanh toán.

Article 3: Payment Term/

1. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai Bên theo từng đợt phát sinh căn cứ vào thỏa thuận của hai bên. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B sau khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

1. *Party A will pay to Party B based on the financial invoice and the acceptance record of the volume between the two parties according to each issuance based on the agreement of the two parties. Payment method: Payment by bank transfer to Party B's account after Party A receives valid payment records.*

2. Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

2. *Time of payment: Party A will make payment to Party B within 15 days after receiving valid payment records.*

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên

Article 4: Responsibility of performance/

1 - Trách nhiệm của bên A/ 1 - *Party A's responsibility/*

Trách nhiệm :

Responsibility:

- Bên A cam kết giao toàn bộ khối lượng chất thải của mình có trong hợp đồng này cho bên B bốc xếp vận chuyển và xử lý.

- *Party A commit to deliver all the waste in this contract for Party B to collect, transport and treatment.*

- Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải, không để lẫn chất thải khác loại với nhau.

2 - Two parties shall inform to each other about the progress of contract implementary, if have any problems must be solved, must discuss based on negotiation ensure both parties benefit.

3 - Trường hợp có vấn đề tranh chấp, không tự giải quyết được thì hai bên sẽ khiếu nại tới Cơ quan có chức năng tỉnh Hà Nam hoặc thành phố Nam Định để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

3 - Any dispute arising in connection with the contract which can not be settled amicably shall be settled by Economic Arbitration Board of Ha Nam or Nam Dinh capital and the decision of arbitration shall be final.

4 - Trong trường hợp Bên A hoặc bên B muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

4 - In case one of the two parties herein wants to terminate the contract, it shall be announced 30 days in advance and fulfill the contract's liquidation.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

Article 6: Contract term/

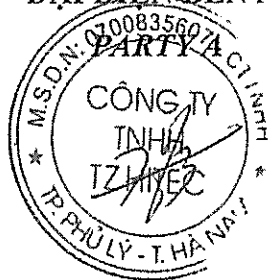
1 - Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký và tự động gia hạn thêm 01 năm tiếp theo nếu hai bên không có ý kiến gì.

1- The contract is valid for 01 year from the date of signing and automatically renewed for the next 01 year if the two parties have no idea.

2 - Hợp đồng này là cơ sở pháp lý để giải quyết khi có tranh chấp theo đúng luật pháp hiện hành và được lập thành 04 bản tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau mỗi bên giữ 02 bản.

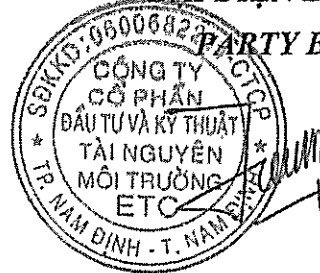
2- This contract is the legal basic for This Contract is made in 04 originals in Việt Nam and English, each party keeps 02 copy of each version.

ĐẠI DIỆN BÊN A

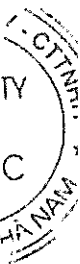


TỔNG GIÁM ĐỐC
KIM HONGIL

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Hà



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ ĐĂNG KÝ

CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 35.000651.T

(Cấp lần đầu)

TÊN CHỦ NGUỒN THẢI:

CÔNG TY TNHH TZ HITEC

ĐỊA CHỈ:

**LÔ CN-11, ĐƯỜNG D6 VÀ N5, KCN CHÂU SƠN,
PHƯỜNG CHÂU SƠN, THÀNH PHỐ PHỦ LÝ,
TỈNH HÀ NAM**

Hà Nam, tháng 9 năm 2021

Hà Nam, ngày 08 tháng 9 năm 2021

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 35.000651.T
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Công ty TNHH TZ HITEC.

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-11, đường D6 và N5, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 0359107333

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0700835607 đăng ký lần đầu ngày 21/01/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/6/2021; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Loại hình hoạt động: Sản xuất, gia công các loại đèn led và mô-đun đèn led.

Tên người liên hệ:

Ông Nguyễn Đức Mạnh – Nhân viên hành chính nhân sự. Điện thoại: 0359107333

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký (01) cơ sở phát sinh CTNH có danh sách CTNH kèm theo.


III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

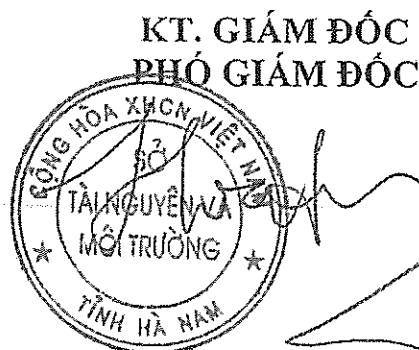
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận: 

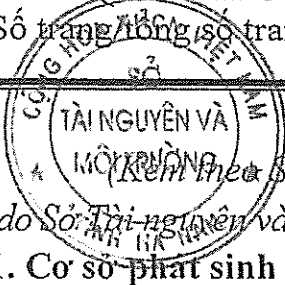
- Như phần I;
- Lưu MT.



Hoàng Văn Long

Mã số QLCTNH: 35.000651.T (08/9/2021)

Số trang/tổng số trang: 01/01



PHỤ LỤC

theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 35.000651.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam (cấp lần đầu) ngày 08 tháng 9 năm 2021)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Nhà máy sản xuất TZ Hitec - Công ty TNHH TZ HITEC.

Địa chỉ: Lô CN-11, đường D6 và N5, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 0359107333

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng TB (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	170203
2	Vỏ hộp mực in thải hỏng	Rắn	10	080204
3	Than hoạt tính thải bỏ từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	80	120104
4	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	20	160106
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	20	190601
6	Tấm bọt biển thải dính thành phần nguy hại	Rắn	4	191202
7	Xi hàn	Rắn	10	070402
8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	100	180103
9	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	200	180102
10	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, vải dính dầu mỡ	Rắn	50	180201
11	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (bản mạch PCB) có chứa thành phần nguy hại	Rắn	150	190206

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không././

Hà Nam, ngày 6 tháng 9 năm 2021

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(Cấp lần đầu)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam

1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:

1.1. Tên: Công ty TNHH TZ Hitec (được đổi tên từ Công ty TNHH Sonneteck TJ Vina)

Địa chỉ: Lô CN – 11, Đường D6 và N5, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0700835607 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Tên người liên hệ: Ông Nguyễn Đức Mạnh

Chức vụ: Nhân viên hành chính nhân sự

Điện thoại: 0359107333

1.2. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên Dự án “Nhà máy sản xuất TZ Hitec”

Địa chỉ: Lô CN – 11, Đường D6 và N5, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

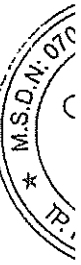
Loại hình ngành nghề hoạt động: Sản xuất, gia công các loại đèn led và mô-đun đèn led.

Điện thoại: 0359107333

2. Dữ liệu về sản xuất

2.1. Danh sách nguyên, nhiên liệu, hóa chất

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng hàng năm
SẢN XUẤT ĐÈN LED			
1	Tấm nhôm	Chiếc	60.000
2	Ống ngang	Chiếc	60.000
3	Nắp đầu cuối	Chiếc	60.000
4	Vòng đệm cao su	Chiếc	120.000
5	Giấy phản quang	Chiếc	120.000
6	Đinh ốc	Chiếc	480.000
7	Phích cắm cao su (mỗi sản phẩm dùng 4 phích cắm)	Chiếc	240.000
8	Bảng đèn loại DC	Chiếc	60.000
9	Cáp DC	Chiếc	60.000
10	Dây nối dài DC	Chiếc	60.000



11	Bản mạch (PCB) (mỗi sản phẩm dùng 02 bản mạch)	Chiếc	120.000
12	Led PKG	Chiếc	600.000
13	Pin kết nối PCB	Chiếc	60.000
14	Thiết bị đầu cuối	Chiếc	240.000
15	Bông màu	Chiếc	60.000
16	Vỏ dây ngoài	Chiếc	60.000
17	Nguồn cấp	Chiếc	60.000
18	Ổ đĩa điện	Chiếc	60.000
SẢN XUẤT MÔ-ĐUN ĐÈN LED			
1	Thiết bị tản nhiệt	Chiếc	600.000
2	Ống kính	Chiếc	600.000
3	Vòng đệm	Chiếc	600.000
4	Cáp treo	Chiếc	600.000
5	Đỉnh ốc	Chiếc	4.800.000
6	Điốt	Chiếc	600.000
7	Bản mạch (PCB)	Chiếc	600.000
8	Đèn PKG	Chiếc	6.000.000
9	Dây đầu nối	Chiếc	600.000
10	Dây cáp DC	Chiếc	600.000
Tổng khối lượng ước tính		Tân	182,4

(Nguồn: Công ty TNHH TZ Hitec)

2.2 Danh sách máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Thời gian sản xuất
1	Máy nạp liệu (Chờ chất đầu vào PCB)	Nhật Bản	3	Chiếc	2019
2	Máy nạp liệu (Chờ chất đầu vào PCB)	Trung Quốc	9	Chiếc	2019
3	Màn hình máy in HIT520HL	Trung Quốc	1	Chiếc	2019
4	Màn hình máy in	Hàn Quốc	3	Chiếc	2019
5	SPI (Thiết bị kiểm tra hình dạng hàn sau khi hàn)	Hàn Quốc	3	Chiếc	2019
6	Máy gắn SM 411	Hàn Quốc	3	Chiếc	2019
7	Máy gắn CP45F NEO	Hàn Quốc	1	Chiếc	2019
8	Máy gắn YSM20	Nhật Bản	4	Chiếc	2019
9	Máy gắn CM101D	Nhật Bản	1	Chiếc	2019
10	Máy hàn SRS-21030LPN	Hàn Quốc	1	Chiếc	2019
11	Máy hàn RF30102N	Hàn Quốc	1	Chiếc	2019
12	Máy hàn 1810 MK	Hàn Quốc	2	Chiếc	2019
13	Máy kiểm tra ánh sáng	Hàn Quốc	4	Chiếc	2019
14	Máy kiểm tra MV-2HTL	Hàn Quốc	1	Chiếc	2019
15	Máy kiểm tra AOI 7120	Trung Quốc	1	Chiếc	2019

16	Hàn sóng	Hàn Quốc	1	Chiếc	2019
17	Thiết bị cầu tích hợp	Trung Quốc	1	Chiếc	2019
18	Máy tra kem hàn	Hàn Quốc	2	Chiếc	2019
19	Máy bắn đinh vít	Trung Quốc	10	Chiếc	2019

(Nguồn: Công ty TNHH TZ Hitec)

2.3. Danh sách sản phẩm của Dự án

- Sản xuất, gia công các loại đèn led và mô-đun đèn led với quy mô công suất là 660.000 sản phẩm/năm.

3. Dữ liệu về chất thải

3.1. Danh sách chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
2	Vỏ hộp mực in thải hỏng	Rắn	10	08 02 04
3	Than hoạt tính thải bỏ từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	80	12 01 04
4	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	20	16 01 06
5	Pin, ác quy chì thải	Rắn	20	19 06 01
6	Tám bột biền thải dính thành phần nguy hại	Rắn	4	19 12 02
7	Xi hàn	Rắn	10	07 04 02
8	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	100	18 01 03
9	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	200	18 01 02
10	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, vải dính dầu mỡ	Rắn	50	18 02 01
11	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (bản mạch PCB) có chứa thành phần nguy hại	Rắn	150	19 02 06
Tổng			694 kg/năm	

(Nguồn: Công ty TNHH TZ Hitec)

3.2 Danh sách CTNH tồn lưu:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
1	Bóng đèn huỳnh quang, các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1 kg	01/2021
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	10 kg	05/2021
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	18 01 02	15 kg	05/2021
Tổng				26kg	

4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không

5. Hồ sơ kèm theo đơn đăng ký

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0700835607 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Chúng tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị Quý Sở cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

CÔNG TY TNHH TZ HITEC
CÔNG TY
TNHH
TZ HITES
TP. PHỦ LÝ, T. HÀ NAM


TỔNG GIÁM ĐỐC
KU JA KYUNG